

Số: 4657/QĐ-UBND

Bình Định, ngày 13 tháng 12 năm 2019

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt giá khởi điểm để đấu giá quyền sử dụng đất ở tại dự án Hạ tầng kỹ thuật Phân khu số 5 và Phân khu số 8 (Đợt 1) thuộc Khu đô thị du lịch sinh thái Nhơn Hội, xã Nhơn Hội, thành phố Quy Nhơn

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 29/11/2013;

Căn cứ Thông tư Liên tịch số 14/2015/TTLT-BTNMT-BTP ngày 04/4/2015 của Liên Bộ Tài nguyên và Môi trường và Bộ Tư pháp về quy định việc tổ chức đấu giá quyền sử dụng đất để giao đất có thu tiền sử dụng đất hoặc cho thuê đất;

Căn cứ Quyết định số 43/2018/QĐ-UBND ngày 17/8/2018 của UBND tỉnh về việc ban hành Quy định về đấu giá quyền sử dụng đất để Nhà nước giao đất có thu tiền sử dụng đất hoặc cho thuê đất trên địa bàn tỉnh Bình Định;

Căn cứ Quyết định số 3937/QĐ-UBND ngày 30/10/2019 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc phê duyệt Phương án đấu giá quyền sử dụng đất tại dự án Hạ tầng kỹ thuật Phân khu số 5 và Phân khu số 8 thuộc Khu đô thị du lịch sinh thái Nhơn Hội;

Xét đề nghị của Ban Quản lý Khu kinh tế tại Văn bản số 1458/BQL-QLTNMT ngày 04/12/2019 và đề nghị của Sở Tài chính tại Văn bản số 653/TTr-STC ngày 06/12/2019.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt giá khởi điểm để thực hiện đấu giá quyền sử dụng đất ở tại dự án Hạ tầng kỹ thuật Phân khu số 5 và Phân khu số 8 (Đợt 1) thuộc Khu đô thị du lịch sinh thái Nhơn Hội, xã Nhơn Hội, thành phố Quy Nhơn, cụ thể như sau:

1. Giá khởi điểm để đấu giá quyền sử dụng đất ở tại dự án Hạ tầng kỹ thuật Phân khu số 5 (Đợt 1)

- Các lô đất có vị trí tiếp giáp tuyến đường số 01, 2, 3, 8, 9, 10, có lộ giới 12m là: 11.500.000 đồng/m².

- Các lô đất có vị trí tiếp giáp tuyến đường số 18, có lộ giới 18m là: 14.500.000 đồng/m².

- Các lô đất có vị trí tiếp giáp tuyến đường số 19, có lộ giới 27m là: 16.000.000 đồng/m².

(Chi tiết tại Phụ lục 01 đính kèm)



2. Giá khởi điểm để đấu giá quyền sử dụng đất ở tại dự án Hạ tầng kỹ thuật Phân khu số 8 (Đợt 1)

- Các lô đất có vị trí tiếp giáp tuyến đường số 11, 12, 13, 14, 15, 17, có lộ giới 12m là: 11.500.000 đồng/m².

- Các lô đất có vị trí tiếp giáp tuyến đường số 02, có lộ giới 18m là: 14.500.000 đồng/m².

- Các lô đất có vị trí lô góc (tiếp giáp với 02 mặt tiền đường phố) thì áp dụng giá đất của đường phố có mức giá cao hơn và nhân thêm hệ số 1,2.

(Chi tiết tại Phụ lục 02 đính kèm)

3. Phương thức thực hiện: Tổ chức đấu giá công khai theo đúng quy định của pháp luật hiện hành.

Điều 2. Giao Ban Quản lý Khu kinh tế chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan tổ chức triển khai thực hiện công tác đấu giá quyền sử dụng đất ở đối với các lô đất nêu tại Điều 1 theo quy định của pháp luật.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở Tài chính, Tài nguyên và Môi trường; Trưởng ban Ban Quản lý Khu kinh tế và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này kể từ ngày ký./.

Trần

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- CT, PCT Nguyễn Phi Long;
- PVP QT;
- Lưu: VT, K6. *Trần*

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Nguyễn Phi Long

Phụ lục 01

Các lô đất đấu giá quyền sử dụng đất tại Phân khu số 5
thuộc Khu đô thị du lịch sinh thái Nhơn Hội, xã Nhơn Hội, thành phố Quy Nhơn
 (Kèm theo Quyết định số 4657/QĐ-UBND ngày 13/12/2019 của Chủ tịch UBND tỉnh)

Stt	Ký hiệu lô đất	Diện tích (m ²)	Tên đường	Lộ giới (m)	Đơn giá khởi điểm phê duyệt (đồng/m ²)	Ghi chú
I Khu B						
1	B1	168,64	Đường số 19, Đường số 10 và Đường số 1	27 12 12	19.200.000	Lô góc (đã nhân hệ số 1,2)
2	B2	156,64	Đường số 19	27	16.000.000	
3	B3	155,24	Đường số 19	27	16.000.000	
4	B4	153,99	Đường số 19	27	16.000.000	
5	B5	153,32	Đường số 19	27	16.000.000	
6	B6	153,62	Đường số 19	27	16.000.000	
7	B7	153,98	Đường số 19	27	16.000.000	
8	B8	154,33	Đường số 19	27	16.000.000	
9	B9	154,69	Đường số 19	27	16.000.000	
10	B10	155,04	Đường số 19	27	16.000.000	
11	B11	155,40	Đường số 19	27	16.000.000	
12	B12	155,76	Đường số 19	27	16.000.000	
13	B13	156,20	Đường số 19	27	16.000.000	
14	B14	156,78	Đường số 19	27	16.000.000	
15	B15	157,36	Đường số 19	27	16.000.000	
16	B16	157,95	Đường số 19	27	16.000.000	
17	B17	158,53	Đường số 19	27	16.000.000	
18	B18	159,11	Đường số 19	27	16.000.000	
19	B19	159,69	Đường số 19	27	16.000.000	
II Khu C						
1	C1	209,17	Đường số 1 và Đường số 10	12 12	13.800.000	Lô góc (đã nhân hệ số 1,2)
2	C2	140	Đường số 1	12	11.500.000	
3	C3	140	Đường số 1	12	11.500.000	
4	C4	140	Đường số 1	12	11.500.000	

Trần Văn

5	C5	140	Đường số 1	12	11.500.000	
6	C6	140	Đường số 1	12	11.500.000	
7	C7	140	Đường số 1	12	11.500.000	
8	C8	140	Đường số 1	12	11.500.000	
9	C9	140	Đường số 1	12	11.500.000	
10	C10	140	Đường số 1	12	11.500.000	
11	C11	140	Đường số 1	12	11.500.000	
12	C12	140	Đường số 1	12	11.500.000	
13	C13	140	Đường số 1	12	11.500.000	
14	C14	140	Đường số 1	12	11.500.000	
15	C15	140	Đường số 1	12	11.500.000	
16	C16	140	Đường số 1	12	11.500.000	
17	C17	158,22	Đường số 1 và Đường số 8	12 12	13.800.000	Lô góc (đã nhân hệ số 1,2)
18	C18	204,05	Đường số 10 và Đường số 2	12 12	13.800.000	Lô góc (đã nhân hệ số 1,2)
19	C19	140	Đường số 2	12	11.500.000	
20	C20	140	Đường số 2	12	11.500.000	
21	C21	140	Đường số 2	12	11.500.000	
22	C22	140	Đường số 2	12	11.500.000	
23	C23	140	Đường số 2	12	11.500.000	
24	C24	140	Đường số 2	12	11.500.000	
25	C25	140	Đường số 2	12	11.500.000	
26	C26	140	Đường số 2	12	11.500.000	
27	C27	140	Đường số 2	12	11.500.000	
28	C28	140	Đường số 2	12	11.500.000	
29	C29	140	Đường số 2	12	11.500.000	
30	C30	140	Đường số 2	12	11.500.000	
31	C31	140	Đường số 2	12	11.500.000	
32	C32	140	Đường số 2	12	11.500.000	
33	C33	140	Đường số 2	12	11.500.000	
34	C34	171,09	Đường số 2 và Đường số 8	12 12	13.800.000	Lô góc (đã nhân hệ số 1,2)
III Khu D						
1	D1	207,46	Đường số 2 và Đường số 10	12 12	13.800.000	Lô góc (đã nhân hệ số 1,2)

Handwritten signature

2	D2	140	Đường số 2	12	11.500.000	
3	D3	140	Đường số 2	12	11.500.000	
4	D4	140	Đường số 2	12	11.500.000	
5	D5	140	Đường số 2	12	11.500.000	
6	D6	140	Đường số 2	12	11.500.000	
7	D7	140	Đường số 2	12	11.500.000	
8	D8	140	Đường số 2	12	11.500.000	
9	D9	140	Đường số 2	12	11.500.000	
10	D10	140	Đường số 2	12	11.500.000	
11	D11	140	Đường số 2	12	11.500.000	
12	D12	140	Đường số 2	12	11.500.000	
13	D13	140	Đường số 2	12	11.500.000	
14	D14	140	Đường số 2	12	11.500.000	
15	D15	140	Đường số 2	12	11.500.000	
16	D16	140	Đường số 2	12	11.500.000	
17	D17	186,50	Đường số 2 và Đường số 8	12 12	13.800.000	Lô góc (đã nhân hệ số 1,2)
18	D18	215,97	Đường số 10 và Đường số 3	12 12	13.800.000	Lô góc (đã nhân hệ số 1,2)
19	D19	140	Đường số 3	12	11.500.000	
20	D20	140	Đường số 3	12	11.500.000	
21	D21	140	Đường số 3	12	11.500.000	
22	D22	140	Đường số 3	12	11.500.000	
23	D23	140	Đường số 3	12	11.500.000	
24	D24	140	Đường số 3	12	11.500.000	
25	D25	140	Đường số 3	12	11.500.000	
26	D26	140	Đường số 3	12	11.500.000	
27	D27	140	Đường số 3	12	11.500.000	
28	D28	140	Đường số 3	12	11.500.000	
29	D29	140	Đường số 3	12	11.500.000	
30	D30	140	Đường số 3	12	11.500.000	
31	D31	140	Đường số 3	12	11.500.000	
32	D32	140	Đường số 3	12	11.500.000	
33	D33	140	Đường số 3	12	11.500.000	
34	D34	199,65	Đường số 3 và Đường số 8	12 12	13.800.000	Lô góc (đã nhân hệ số 1,2)

Handwritten signature

IV Khu F						
1	F1	116,18	Đường số 9 và Đường số 10	12 12	13.800.000	Lô góc (đã nhân hệ số 1,2)
2	F2	135,54	Đường số 10	12	11.500.000	
3	F3	136,02	Đường số 10	12	11.500.000	
4	F4	116,58	Đường số 10 và Đường số 3	12	13.800.000	Lô góc (đã nhân hệ số 1,2)
5	F5	222,40	Đường số 3	12	11.500.000	
6	F6	136	Đường số 3	12	11.500.000	
7	F7	136	Đường số 3	12	11.500.000	
8	F8	136	Đường số 3	12	11.500.000	
9	F9	136	Đường số 3	12	11.500.000	
10	F10	136	Đường số 3	12	11.500.000	
11	F11	136	Đường số 3	12	11.500.000	
12	F12	136	Đường số 3	12	11.500.000	
13	F13	136	Đường số 3	12	11.500.000	
14	F14	136	Đường số 3	12	11.500.000	
15	F15	136	Đường số 3	12	11.500.000	
16	F16	136	Đường số 3	12	11.500.000	
17	F17	136	Đường số 3	12	11.500.000	
18	F18	136	Đường số 3	12	11.500.000	
19	F19	207,60	Đường số 3 và Đường số 8	12 12	13.800.000	Lô góc (đã nhân hệ số 1,2)
V Khu K						
1	K1	200,43	Đường số 18, Đường số 10 và Đường số 9	18 12 12	17.400.000	Lô góc (đã nhân hệ số 1,2)
2	K2	170,82	Đường số 18	18	14.500.000	
3	K3	171,01	Đường số 18	18	14.500.000	
4	K4	171,19	Đường số 18	18	14.500.000	
5	K5	170,97	Đường số 18	18	14.500.000	
6	K6	171,24	Đường số 18	18	14.500.000	
7	K7	171,50	Đường số 18	18	14.500.000	
8	K8	171,00	Đường số 18	18	14.500.000	
9	K9	171,09	Đường số 18	18	14.500.000	

10	K10	170,67	Đường số 18	18	14.500.000	
11	K11	175,20	Đường số 18	18	14.500.000	
Tổng số lô đất đấu giá: 117 lô đất						

Handwritten signature

Phụ lục 02

**Các lô đất đấu giá quyền sử dụng đất tại Phân khu số 8
thuộc Khu đô thị du lịch sinh thái Nhơn Hội, xã Nhơn Hội, thành phố Quy Nhơn**
(Kèm theo Quyết định số: 4657/QĐ-UBND ngày 13/12/2019 của Chủ tịch UBND tỉnh)



Stt	Ký hiệu lô đất	Diện tích (m ²)	Tên đường	Lộ giới (m)	Đơn giá khởi điểm phê duyệt (đồng/m ²)	Ghi chú
I	Khu A					
1	A1	139,24	Đường số 2 và Đường số 13	18 12	13.800.000	Lô góc (đã nhân hệ số 1,2)
2	A2	156	Đường số 13	12	11.500.000	
3	A3	156	Đường số 13	12	11.500.000	
4	A4	156	Đường số 13	12	11.500.000	
5	A5	156	Đường số 13	12	11.500.000	
6	A6	156	Đường số 13	12	11.500.000	
7	A7	156	Đường số 13	12	11.500.000	
8	A8	156	Đường số 13	12	11.500.000	
9	A9	156	Đường số 13	12	11.500.000	
10	A10	156	Đường số 13	12	11.500.000	
11	A11	156	Đường số 13	12	11.500.000	
II	Khu B					
1	B1	158,62	Đường số 13 và Đường số 12	12 12	13.800.000	Lô góc (đã nhân hệ số 1,2)
2	B2	140	Đường số 12	12	11.500.000	
3	B3	140	Đường số 12	12	11.500.000	
4	B4	140	Đường số 12	12	11.500.000	
5	B5	140	Đường số 12	12	11.500.000	
6	B6	140	Đường số 12	12	11.500.000	
7	B7	140	Đường số 12	12	11.500.000	
8	B8	140	Đường số 12	12	11.500.000	
9	B9	140	Đường số 12	12	11.500.000	
10	B10	140	Đường số 12	12	11.500.000	
11	B11	140	Đường số 12	12	11.500.000	
12	B12	140	Đường số 12	12	11.500.000	
13	B13	140	Đường số 12	12	11.500.000	
14	B14	140	Đường số 12	12	11.500.000	

Handwritten signature

Stt	Ký hiệu lô đất	Diện tích (m ²)	Tên đường	Lộ giới (m)	Đơn giá khởi điểm phê duyệt (đồng/m ²)	Ghi chú
15	B15	140	Đường số 12	12	11.500.000	
16	B16	140	Đường số 12	12	11.500.000	
17	B17	140	Đường số 12	12	11.500.000	
18	B18	140	Đường số 12	12	11.500.000	
19	B19	140	Đường số 12	12	11.500.000	
20	B20	140	Đường số 12	12	11.500.000	
21	B21	140	Đường số 12	12	11.500.000	
22	B22	140	Đường số 12	12	11.500.000	
23	B23	140	Đường số 12	12	11.500.000	
24	B24	163,14	Đường số 12 và Đường số 17	12 12	13.800.000	Lô góc (đã nhân hệ số 1,2)
25	B25	209,35	Đường số 17 và Đường số 14	12 12	13.800.000	Lô góc (đã nhân hệ số 1,2)
26	B26	140	Đường số 14	12	11.500.000	
27	B27	140	Đường số 14	12	11.500.000	
28	B28	140	Đường số 14	12	11.500.000	
29	B29	140	Đường số 14	12	11.500.000	
30	B30	140	Đường số 14	12	11.500.000	
31	B31	140	Đường số 14	12	11.500.000	
32	B32	140	Đường số 14	12	11.500.000	
33	B33	140	Đường số 14	12	11.500.000	
34	B34	140	Đường số 14	12	11.500.000	
35	B35	140	Đường số 14	12	11.500.000	
36	B36	140	Đường số 14	12	11.500.000	
37	B37	140	Đường số 14	12	11.500.000	
38	B38	140,99	Đường số 14	12	11.500.000	
39	B39	144,92	Đường số 14	12	11.500.000	
40	B40	268,13	Đường số 14	12	11.500.000	
41	B41	216,92	Đường số 14	12	11.500.000	
42	B42	148,51	Đường số 14	12	11.500.000	
43	B43	167,13	Đường số 14 và Đường số 11	12 12	13.800.000	Lô góc (đã nhân hệ số 1,2)
44	B44	144,18	Đường số 11	12	11.500.000	

Handwritten signature

Stt	Ký hiệu lô đất	Diện tích (m ²)	Tên đường	Lộ giới (m)	Đơn giá khởi điểm phê duyệt (đồng/m ²)	Ghi chú
45	B45	145,53	Đường số 11	12	11.500.000	
46	B46	145,20	Đường số 11	12	11.500.000	
47	B47	165,31	Đường số 11 và Đường số 13	12 12	13.800.000	Lô góc (đã nhân hệ số 1,2)
III Khu C						
1	C1	189,69	Đường số 14	12	11.500.000	
2	C2	139,36	Đường số 14	12	11.500.000	
3	C3	140	Đường số 14	12	11.500.000	
4	C4	140	Đường số 14	12	11.500.000	
5	C5	140	Đường số 14	12	11.500.000	
6	C6	140	Đường số 14	12	11.500.000	
7	C7	140	Đường số 14	12	11.500.000	
8	C8	140	Đường số 14	12	11.500.000	
9	C9	140	Đường số 14	12	11.500.000	
10	C10	140	Đường số 14	12	11.500.000	
11	C11	140	Đường số 14	12	11.500.000	
12	C12	140	Đường số 14	12	11.500.000	
13	C13	140	Đường số 14	12	11.500.000	
14	C14	204,90	Đường số 14 và Đường số 17	12 12	13.800.000	Lô góc (đã nhân hệ số 1,2)
15	C15	178,53	Đường số 17 và Đường số 15	12 12	13.800.000	Lô góc (đã nhân hệ số 1,2)
16	C16	140	Đường số 15	12	11.500.000	
17	C17	140	Đường số 15	12	11.500.000	
18	C18	140	Đường số 15	12	11.500.000	
19	C19	140	Đường số 15	12	11.500.000	
20	C20	140	Đường số 15	12	11.500.000	
21	C21	140	Đường số 15	12	11.500.000	
22	C22	140	Đường số 15	12	11.500.000	
23	C23	140	Đường số 15	12	11.500.000	
24	C24	147,13	Đường số 15	12	11.500.000	
25	C25	151,28	Đường số 15 và Đường số 11	12	13.800.000	Lô góc (đã nhân hệ số 1,2)

Handwritten signature

Stt	Ký hiệu lô đất	Diện tích (m ²)	Tên đường	Lộ giới (m)	Đơn giá khởi điểm phê duyệt (đồng/m ²)	Ghi chú
26	C26	141,96	Đường số 11	12	11.500.000	
27	C27	141,24	Đường số 11	12	11.500.000	
28	C28	140,89	Đường số 11	12	11.500.000	
29	C29	171,70	Đường số 11 và Đường số 14	12 12	13.800.000	Lô góc (đã nhân hệ số 1,2)
IV Khu F						
1	F1	178,63	Đường số 2, Đường số 13 và Đường số 11	18 12 12	17.400.000	Lô góc (đã nhân hệ số 1,2)
2	F2	159,50	Đường số 2	18	14.500.000	
3	F3	161,47	Đường số 2	18	14.500.000	
4	F4	162,01	Đường số 2	18	14.500.000	
5	F5	160,29	Đường số 2	18	14.500.000	
6	F6	159,40	Đường số 2	18	14.500.000	
7	F7	160,10	Đường số 2	18	14.500.000	
8	F8	160,06	Đường số 2	18	14.500.000	
9	F9	160,53	Đường số 2	18	14.500.000	
10	F10	159,98	Đường số 2	18	14.500.000	
11	F11	158,37	Đường số 2	18	14.500.000	
12	F12	153,22	Đường số 2	18	14.500.000	
13	F13	146,71	Đường số 2	18	14.500.000	
14	F14	141,30	Đường số 2	18	14.500.000	
15	F15	136,19	Đường số 2	18	14.500.000	
16	F16	135,65	Đường số 2	18	14.500.000	
17	F17	148,42	Đường số 2	18	14.500.000	
18	F18	152,35	Đường số 2	18	14.500.000	
19	F19	156,06	Đường số 2	18	14.500.000	
Tổng số lô đất đấu giá: 106 lô đất						